

Bản án số: 04/2018/HC-PT

Ngày: 08-11-2018

Về việc: “*Kiện quyết định hành chính, hành
vi hành chính trong lĩnh vực thu hồi đất*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thu Hiền

Bà Nguyễn Thị Bích Đào

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Huyền Trang- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên toà:
Ông Tổng Khánh Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hành chính thụ lý số: 18/2013/TLPT- HC, ngày 06/12/2013 về “*Khởi kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực thu hồi đất*”

Do bản án hành chính sơ thẩm số: 03/2013/HC-ST ngày 05/11/2013 của Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Hà Tĩnh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2018/QĐ-PT ngày 25 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Hộ gia đình anh Trịnh Văn T, sinh năm 1973- chị Lê Thị L, sinh năm 1980. (Có mặt anh Trịnh Văn T, chị Lê Thị L)

Địa chỉ: Tổ dân phố Trường Sơn, phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh.

2. *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân huyện K- tỉnh Hà Tĩnh (nay là UBND thị xã K) (*Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt*)

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Hội đồng bồi thường- Tái định cư- Giải phóng mặt bằng (Hội đồng BT-TĐC-GPMB) huyện K-tỉnh Hà Tĩnh (nay là UBND thị xã K)

- Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị T2, cán bộ của Hội đồng bồi thường - Tái định cư - Giải phóng mặt bằng huyện K- tỉnh Hà Tĩnh (nay là UBND thị xã K). (Có mặt)

+ UBND xã K- huyện K- tỉnh Hà Tĩnh (nay là UBND thị xã K) (Vắng mặt)

4. Người kháng cáo: Anh Trịnh Văn T

Ngoài ra vụ án còn có những người làm chứng ông Lê Minh T1, ông Lương Văn T2 không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không thông báo đến phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện chung đề ngày 12 tháng 12 năm 2011 của 07 hộ gia đình (trong đó có gia đình anh Trịnh Văn T- chị Lê Thị L) cùng các bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, người khởi kiện là hộ gia đình anh Trịnh Văn T trình bày:

Ngày 10 tháng 11 năm 2010, UBND huyện K ban hành Quyết định số 2108/QĐ-UBND của UBND huyện K về việc thu hồi đất để bồi thường giải phóng mặt bằng thực hiện quy hoạch khu tái định cư xã K, huyện K (đợt 2) trái pháp luật, xâm phạm quyền lợi ích hợp pháp của gia đình, Cụ thể gia đình anh T, chị L cho rằng những vi phạm khi ban hành Quyết định thu hồi đất của UBND huyện K như sau:

Việc UBND huyện K ban hành Quyết định số 2108/QĐ-UBND là hành vi lạm quyền: UBND huyện K không có quyền ban hành Quyết định thu hồi đất chung của 160 hộ gia đình, cá nhân xã K. Điều này vi phạm khoản 6 Điều 130 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ: "Trường hợp trên khu đất thu hồi có diện tích đất do hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng thì trong thời hạn không quá 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định về thu hồi đất của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh có trách nhiệm quyết định thu hồi diện tích đất cụ thể đối với từng thửa đất do hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư sử dụng". Trong khi đó UBND huyện K không ban hành Quyết định thu hồi đất riêng cho từng hộ gia đình, cá nhân xã K là vi phạm Điều 31 Nghị định 69/2009/NĐ-CP "Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư". Bên cạnh đó gia đình anh T cho rằng quá trình thu hồi đất của gia đình UBND huyện K còn có nhiều vi phạm khác, cụ thể: Việc UBND huyện K không giao bộ đơn giá của UBND tỉnh cho gia đình là chưa đúng pháp luật; biên bản kiểm kê tài sản trên đất bị thu hồi không hợp pháp vì không có chữ ký của người lập biên bản, không có chữ ký của chủ hộ, không có chữ ký của người có thẩm quyền nên không có giá trị pháp lý; các biên bản tính giá trị bồi thường không có chữ ký và con dấu của các cấp có thẩm quyền nên không có giá trị pháp lý; không hỗ trợ chuyển đổi nghề, tạo việc làm khi thu hồi đất là không đúng. Vì vậy, gia đình anh T cho rằng không có căn cứ pháp lý để thu hồi 465.818,1m² đất của 160 hộ gia đình nói

chung và 5103,5m² đất của gia đình anh T nói riêng. Do đó, hộ gia đình có quyền không giao đất, có quyền không nhận tiền bồi thường theo Quyết định 2108/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2010 của UBND huyện K.

Với những nội dung trên tại đơn khởi kiện chung, ngày 12 tháng 12 năm 2011 của 07 hộ gia đình (trong đó có hộ gia đình anh Trịnh Văn T) yêu cầu Tòa án nhân dân huyện K xem xét giải quyết:

- Buộc UBND huyện K thu hồi Quyết định số 2108/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2010 của UBND huyện K để ban hành Quyết định thu hồi đất riêng cho từng hộ gia đình, cá nhân theo quy định của pháp luật.

- Buộc UBND huyện K bồi thường đất đai, nhà cửa, công trình, cây cối và các tài sản khác trên đất của gia đình bị phá dỡ theo Quyết định số 2108/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2010, theo quy định tại Điều 4 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước với giá trị bồi thường tính theo giá thị trường tại thời điểm thanh toán tiền bồi thường.

Tại các bản khai ngày 17/9/2013 và 03/10/2013, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm gia đình anh Trịnh Văn T đã có những thay đổi trong yêu cầu khởi kiện, cụ thể gia đình anh T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện K xem xét đề:

- Huỷ Quyết định thu hồi đất số 2108/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2010 của UBND huyện K để ban hành Quyết định thu hồi đất riêng cho từng hộ gia đình, cá nhân theo quy định của pháp luật.

- Buộc UBND huyện K hỗ trợ tiền chuyển đổi nghề, tạo việc làm cho gia đình đối với đất bị thu hồi.

- Yêu cầu lấy đất, lấy nhà của gia đình năm nào thì tính giá trị bồi thường theo năm đó.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện cho rằng việc UBND huyện K ban hành Quyết định thu hồi đất số 2108/QĐ-UBND ngày 10/11/2010 để thu hồi đất chung mà không ban hành Quyết định thu hồi đất riêng lẻ cho từng hộ gia đình là trái với quy định tại khoản 6 Điều 130 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ, mặt khác quá trình thu hồi đất nhiều văn bản, tài liệu không được UBND huyện và Hội đồng BT-TĐC-GPMB huyện giao trực tiếp cho người dân nên làm cho họ không nắm bắt được chủ trương thu hồi đất, cũng như việc tính toán giá trị bồi thường. Vì vậy, Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét để huỷ Quyết định thu hồi đất số 2108/QĐ-UBND ngày 10/11/2010 của UBND huyện K và buộc UBND huyện ban hành Quyết định thu hồi đất riêng cho từng hộ gia đình, đồng thời hỗ trợ tiền chuyển đổi nghề, tạo việc làm cho gia đình anh T.

Người đại diện của UBND huyện K tại phiên tòa sơ thẩm cho rằng quá trình thu hồi đất để thực hiện khu tái định cư xã K là nhằm mục đích phát triển kinh tế, xã hội thực hiện dự án phát triển khu kinh tế trọng điểm quốc gia Vũng Áng. Việc ban hành Quyết định thu hồi đất số 2108/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2010 của UBND huyện K để thu hồi đất của 160 hộ gia đình nói chung

và của hộ gia đình anh T nói riêng là có căn cứ, đúng thẩm quyền và đảm bảo trình tự thủ tục theo quy định của luật đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành, đồng thời đảm bảo đầy đủ quyền lợi cho các gia đình có đất bị thu hồi. Vì vậy, quan điểm của UBND huyện K là không nhất trí với yêu cầu của gia đình anh Trịnh Văn T về việc đòi huỷ Quyết định thu hồi đất số 2108/QĐ-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2010 của UBND huyện K để ban hành Quyết định thu hồi đất riêng cho từng hộ gia đình và yêu cầu hỗ trợ chuyển đổi nghề, tạo việc làm, cũng như việc yêu cầu lấy đất lấy nhà năm nào thì tính giá trị bồi thường theo thời điểm của năm đó, nên yêu cầu của hộ anh T là không có căn cứ pháp luật.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số: 03/2013/HCST ngày 05/11/2013 của Toà án nhân dân huyện K quyết định: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 163 Luật tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 38, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 40, Điều 42, khoản 2 Điều 44, khoản 4 Điều 56 Luật đất đai; điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004; điểm b khoản 1 Điều 34, Điều 45 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007; Điều 14, 16, 17, 18, 19, 20, 22, 23, 24, 29, 30 và khoản 1 Điều 31 Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009; Điều 4, 5, 8, 13, 18, 20, 24, 34, 35, 40, 43 và Điều 45 Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 3/12/2004; khoản 2 Điều 4 Nghị định 17/2006/NĐ-CP ngày 27/1/2006 xử:

- Không chấp nhận yêu cầu của gia đình anh Trịnh Văn T-chị Lê Thị L đòi huỷ Quyết định thu hồi đất số 2108/QĐ-UBND ngày 10/11/2010 của UBND huyện K về việc thu hồi đất để bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện quy hoạch xây dựng khu tái định cư xã K (đợt 2) và đòi buộc UBND huyện K phải ban hành Quyết định thu hồi đất riêng cho hộ gia đình.

- Không chấp nhận yêu cầu của gia đình anh Trịnh Văn T-chị Lê Thị L về việc đòi UBND huyện K phải hỗ trợ tiền chuyển đổi nghề, tạo việc làm đối với đất bị thu hồi cho gia đình.

- Không chấp nhận yêu cầu của gia đình anh Trịnh Văn T-chị Lê Thị L về việc yêu cầu lấy đất, lấy nhà năm nào thì tính giá trị bồi thường theo năm đó.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/11/2013, ông Trịnh Văn T kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết những vấn đề sau:

1. Buộc UBND huyện K phải có quyết định thu hồi riêng đất và tài sản cho gia đình để sử dụng các quyền lợi của hộ gia đình bị thu hồi đất
2. Buộc UBND huyện K chuyển đổi nghề và tạo việc làm cho gia đình ông.
3. Tính giá đền bù ở thời điểm trả tiền khi nào thì tính theo giá của năm đó để khởi thiết thời cho gia đình ông.

Tại phiên toà phúc thẩm, người kháng cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị HĐXX phúc thẩm xem xét.

Đại diện theo ủy quyền của Người bị kiện giữ nguyên ý kiến đã trình bày tại cấp sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong cả quá trình từ thụ lý đến khi xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Thành phần tiến hành và tham gia tố tụng đầy đủ, đảm bảo theo yêu cầu của Luật tố tụng hành chính. Việc chấp hành thời hạn giải quyết vụ án đã được tuân thủ theo luật định. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính bác kháng cáo của ông Trịnh Văn T, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Trịnh Văn T làm trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét.

[2] Về nội dung kháng cáo của ông Trịnh Văn T:

- Đối với yêu cầu buộc UBND huyện K phải có quyết định thu hồi riêng đất và tài sản cho gia đình để sử dụng các quyền lợi của hộ gia đình bị thu hồi đất:

Ngày 10/11/2010 UBND huyện K ban hành Quyết định thu hồi đất số 2108/QĐ-UBND về việc thu hồi đất để bồi thường, giải phóng mặt bằng nhằm thực hiện quy hoạch khu tái định cư xã K, huyện K (đợt 2). Căn cứ Điều 38, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 40 Luật đất đai; điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 và điểm b khoản 1 Điều 34 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 và các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án khẳng định việc UBND huyện K ban hành Quyết định thu hồi đất số này là có căn cứ pháp luật.

Hơn nữa, căn cứ khoản 1 Điều 31 của Nghị định 69/NĐ-CP quy định: *"Trường hợp thu hồi đất, giao đất hoặc cho thuê đất thuộc thẩm quyền của một cấp thì việc thu hồi đất và giao đất hoặc cho thuê đất được thực hiện trong cùng một quyết định"*. Như vậy, theo quy định này thì UBND huyện có quyền ban hành Quyết định thu hồi đất chung của nhiều đối tượng, nếu thẩm quyền thu hồi đất của các đối tượng theo quy định thuộc thẩm quyền của UBND huyện. Mặt khác, mặc dù UBND huyện K ban hành Quyết định số 2108/QĐ-UBND, ngày 10 tháng 11 năm 2010 để thu hồi đất chung của 160 hộ gia đình, nhưng kèm theo Quyết định thu hồi đất là bản danh sách chi tiết về diện tích, loại đất của các hộ gia đình có đất bị thu hồi. Việc UBND huyện K ban hành Quyết định thu hồi đất chung nhưng vẫn xác định cụ thể chi tiết về diện tích, loại đất bị thu hồi của từng hộ gia đình mà không làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích của các hộ dân có đất bị thu hồi. Do đó kháng cáo yêu cầu UBND huyện K phải có quyết định thu hồi riêng đất và tài sản cho gia đình ông T là không có cơ sở chấp nhận.

- Đối với yêu cầu buộc UBND huyện Kchuyển đổi nghề và tạo việc làm cho gia đình ông Trịnh Văn T:

Theo quy định tại Điều 22 Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của chính phủ, Điều 16 thông tư số 14/2009TT-BTNMT ngày 01/10/2009 của Bộ tài nguyên và môi trường và Điều 27 Quyết định số 07/2010/QĐ-UBND ngày 16/3/2010 của UBND tỉnh Hà Tĩnh ban hành Quyết định chính sách về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Hà Tĩnh thì *“Hộ gia đình cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp được giao(trong hạn mức) đủ điều kiện bồi thường mà không có đất để bồi thường thì ngoài việc được bồi thường bằng tiền theo quy định thì được hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp, tạo việc làm...”* Đối với trường hợp của gia đình anh T, theo giấy xác nhận về nguồn gốc sử dụng đất ngày 20/10/2010 của UBND xã K xác nhận về nguồn gốc các loại đất của gia đình anh Trịnh Văn T bị thu hồi có tổng diện tích 5103,5m². Tại cấp sơ thẩm, anh T cũng trình bày nguồn gốc mảnh đất bị thu hồi là do bố mẹ anh T khai hoang, đến năm 1997 bố mẹ anh T cho vợ chồng làm nhà để ở và làm hoa màu, đến thời điểm hiện nay đất vẫn chưa có giấy tờ về quyền sử dụng đất. Hơn nữa các loại đất bị thu hồi không phải là đất nông nghiệp được giao trong hạn mức. Vì vậy, căn cứ quy định nêu trên thì đất của gia đình anh T bị thu hồi không thuộc diện được hỗ trợ chuyển đổi nghề, tạo việc làm như cấp sơ thẩm nhận định là đúng và có căn cứ.

- Đối với yêu cầu tính giá đền bù ở thời điểm trả tiền khi nào thì tính theo giá của năm đó để khỏi thiệt thòi cho gia đình ông thấy rằng:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 14, Điều 24 Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009; Điều 18, Điều 24, điểm d khoản 1 Điều 43 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành luật đất đai, thì việc tính giá trị bồi thường đất đai và các tài sản trên đất bị thu hồi tính theo giá trị thời điểm có Quyết định thu hồi đất. Như vậy, việc Hội đồng bồi BT-TĐC-GPMB tính giá trị đất đai và các tài sản khác của hộ gia đình anh Trịnh Văn T để bồi thường đã cứ vào Quyết định số 4155/QĐ-UBND ngày 23/ 12/ 2009 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc ban hành giá các loại đất trên địa bàn Hà Tĩnh năm 2010; Quyết định số 02/2010/QĐ-UBND ngày 11/1/2010 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc ban hành quy định áp dụng và bộ đơn giá bồi thường nhà cửa, vật kiến trúc, mồ mã, cây cối, hoa màu khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Hà Tĩnh và Quyết định số 07/2010/QĐ-UBND ngày 16/ 3/ 2010 của UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc ban hành quy định chính sách về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Hà Tĩnh là phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của anh Trịnh Văn T.

Từ những phân tích ở trên, thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ các quy định của pháp luật và bác yêu cầu khởi kiện của hộ gia đình anh Trịnh Văn T là có căn cứ. Do đó, cấp phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận các nội dung kháng cáo của ông Trịnh Văn T.

[3] Về án phí: Do kháng cáo của ông Trịnh Văn T không được chấp nhận nên phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính;

1. Bác toàn bộ nội dung kháng cáo của ông Trịnh Văn T. Giữ nguyên Bản án Hành chính sơ thẩm số 03/2013/HCST ngày 05/11/2013 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 163 Luật tổ tụng hành chính; khoản 1 Điều 38, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 40, Điều 42, khoản 2 Điều 44, khoản 4 Điều 56 Luật đất đai; điểm a khoản 2 Điều 36 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004; điểm b khoản 1 Điều 34, Điều 45 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007; Điều 14, 16, 17, 18, 19, 20, 22, 23, 24, 29, 30 và khoản 1 Điều 31 Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009; Điều 4, 5, 8, 13, 18, 20, 24, 34, 35, 40, 43 và Điều 45 Nghị định 197/2004/NĐ-CP ngày 3/12/2004; khoản 2 Điều 4 Nghị định 17/2006/NĐ-CP ngày 27/1/2006 xử:

- Không chấp nhận yêu cầu của gia đình anh Trịnh Văn T-chị Lê Thị L đòi huỷ Quyết định thu hồi đất số 2108/QĐ-UBND ngày 10/11/2010 của UBND huyện K về việc thu hồi đất để bồi thường, giải phóng mặt bằng thực hiện quy hoạch xây dựng khu tái định cư xã K(đợt 2) và đòi buộc UBND huyện K phải ban hành Quyết định thu hồi đất riêng cho hộ gia đình.

- Không chấp nhận yêu cầu của gia đình anh Trịnh Văn T-chị Lê Thị L về việc đòi UBND huyện K phải hỗ trợ tiền chuyển đổi nghề, tạo việc làm đối với đất bị thu hồi cho gia đình.

- Không chấp nhận yêu cầu của gia đình anh Trịnh Văn T-chị Lê Thị L về việc yêu cầu lấy đất, lấy nhà năm nào thì tính giá trị bồi thường theo năm đó.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; khoản 2, Điều 34, khoản 1 Điều 37 Pháp lệnh án phí, lệ phí số 10/2009/PL- UBTVQH12 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc buộc gia đình anh Trịnh Văn T-chị Lê Thị L phải chịu 200.000đ án phí HCST và 200.000đ án phí HCPT nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: 002605 ngày 11/11/2013 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Tòa án, VKS sơ thẩm;
- Chi cục T.H.A.D.S sơ thẩm;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VT.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thương Huyền

